



Original Article

Implementing Policies to Ensure the Right to Education Linked to Waterway Safety for Ethnic Minority Children in the Hoa Binh Reservoir Area: Evidence and Policy Implications

Mai Linh*

*Faculty of Sociology and Social Work, VNU University of Social Sciences and Humanities,
336 Nguyen Trai, Thanh Xuan Ward, Hanoi, Vietnam*

Received 26th June 2026

Revised 11th August 2026; Accepted 10th September 2026

Abstract: Ensuring the right to education and waterway safety for ethnic minority children in reservoir areas is a crucial requirement for implementing social welfare, educational development, and child protection policies in Vietnam. However, due to unique topographical conditions, many children in the Hoa Binh reservoir area must travel to school by boat, which increases safety risks and impacts the realization of their right to education. Adopting a public policy implementation perspective, this article evaluates the implementation of policies linking the right to education with waterway safety for ethnic minority children in the Hoa Binh reservoir area, utilizing field survey data combined with in-depth interviews with stakeholders. The findings indicate that state policies have contributed to improving children's commuting conditions and raising awareness among families, schools, and the community regarding waterway safety. Nevertheless, policy implementation faces several limitations, such as inconsistent waterway infrastructure, limited investment resources, ineffective inter-agency coordination mechanisms, and a lack of specific policies tailored to the unique conditions of reservoir areas. Based on these findings, the article proposes policy implications to enhance implementation effectiveness by refining inter-agency coordination mechanisms and developing specific policies for areas facing particularly challenging transportation conditions.

Keywords: Policy implementation; right to education; waterway traffic safety; ethnic minority children; Hoa Binh reservoir area.

* Corresponding author.

E-mail address: mailinhxhh90@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.463>

Thực thi chính sách bảo đảm quyền học tập gắn với an toàn giao thông đường thủy đối với trẻ em dân tộc thiểu số vùng lòng hồ Hòa Bình: bằng chứng và hàm ý chính sách

Mai Linh*

*Khoa Xã hội học và Công tác xã hội, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn,
Đại học Quốc gia Hà Nội, 336 Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 26 tháng 6 năm 2026

Chỉnh sửa ngày 11 tháng 8 năm 2026; Chấp nhận đăng ngày 10 tháng 9 năm 2026

Tóm tắt: Bảo đảm quyền học tập và an toàn giao thông đường thủy (ATGTĐT) cho trẻ em dân tộc thiểu số (DTTS) tại các vùng lòng hồ là một yêu cầu quan trọng trong thực hiện chính sách an sinh xã hội, phát triển giáo dục và bảo vệ trẻ em ở Việt Nam. Tuy nhiên, do điều kiện địa hình đặc thù, nhiều trẻ em tại vùng lòng hồ Hòa Bình vẫn phải di chuyển bằng thuyền để đến trường, làm gia tăng những rủi ro về ATGT và ảnh hưởng đến việc thực hiện quyền học tập. Trên cơ sở tiếp cận nghiên cứu thực thi chính sách công, bài viết đánh giá việc thực hiện chính sách bảo đảm quyền học tập gắn với ATGTĐT đối với trẻ em DTTS vùng lòng hồ Hòa Bình thông qua dữ liệu khảo sát thực địa kết hợp với phỏng vấn sâu các bên liên quan. Kết quả nghiên cứu cho thấy, các chính sách của Nhà nước đã góp phần cải thiện điều kiện đến trường của trẻ em, nâng cao nhận thức của gia đình, nhà trường và cộng đồng về bảo đảm ATGTĐT. Tuy nhiên, quá trình thực thi chính sách vẫn còn một số hạn chế như điều kiện hạ tầng giao thông đường thủy chưa đồng bộ, nguồn lực đầu tư còn hạn chế, cơ chế phối hợp liên ngành chưa thật sự hiệu quả và chưa có các chính sách đặc thù phù hợp với điều kiện vùng lòng hồ. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số hàm ý chính sách nhằm nâng cao hiệu quả thực thi chính sách thông qua hoàn thiện cơ chế phối hợp liên ngành, đồng thời xây dựng các chính sách đặc thù tại các khu vực có điều kiện giao thông đặc biệt khó khăn.

Từ khóa: Thực thi chính sách; quyền học tập; an toàn giao thông đường thủy; trẻ em dân tộc thiểu số; vùng lòng hồ Hòa Bình.

1. Mở đầu

1.1. Bối cảnh nghiên cứu

Quyền học tập là một trong những quyền cơ bản của trẻ em, Liên Hợp Quốc đã khẳng định quyền được học tập của mọi trẻ em trong Công ước về Quyền trẻ em, trong khi Hiến pháp năm 2013 và Luật Trẻ em năm 2016 của Việt Nam tiếp tục khẳng định trách nhiệm của Nhà nước, gia đình và xã hội trong việc bảo đảm mọi trẻ em

đều được tiếp cận giáo dục một cách bình đẳng, an toàn và không bị phân biệt đối xử [1, 2]. Trong bối cảnh thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững, bảo đảm quyền học tập không chỉ là một quyền con người cơ bản mà còn là điều kiện quan trọng để phát triển nguồn nhân lực, giảm nghèo bền vững và thúc đẩy công bằng xã hội.

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách nhằm thu hẹp khoảng cách tiếp cận giáo dục giữa các vùng miền, đặc biệt đối với vùng đồng bào (DTTS) và

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: mailinxxh90@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4663>

miền núi. Các chính sách về phổ cập giáo dục, hỗ trợ học sinh vùng khó khăn, phát triển kết cấu hạ tầng giáo dục, bảo đảm an toàn trường học và thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi đã tạo điều kiện thuận lợi hơn cho trẻ em tiếp cận các dịch vụ giáo dục [3]. Tuy nhiên, hiệu quả thực thi các chính sách này vẫn chịu tác động mạnh của điều kiện tự nhiên, địa hình, hạ tầng giao thông và năng lực quản trị ở từng địa phương.

Vùng lòng hồ Hòa Bình là một không gian sinh thái - xã hội đặc thù, nhiều điểm dân cư phân bố rải rác ven hồ hoặc trên các bán đảo, khoảng cách giữa nơi ở và trường học lớn, trong khi giao thông đường bộ còn nhiều hạn chế. Đối với nhiều học sinh, đặc biệt là trẻ em DTTS, thuyền là phương tiện di chuyển chủ yếu để đến trường hằng ngày. Điều này khiến việc tiếp cận giáo dục luôn gắn chặt với điều kiện bảo đảm ATGTĐT. Chỉ cần thời tiết bất lợi, mực nước thay đổi hoặc phương tiện không bảo đảm an toàn cũng có thể ảnh hưởng đến việc đi học của trẻ, làm gia tăng nguy cơ gián đoạn học tập, tai nạn giao thông đường thủy và những rủi ro khác đối với trẻ em.

Thực tiễn trên cho thấy việc bảo đảm quyền học tập tại vùng lòng hồ không chỉ là vấn đề của ngành giáo dục mà còn là kết quả của quá trình thực thi đồng bộ nhiều chính sách công liên quan đến giáo dục, giao thông đường thủy, bảo vệ trẻ em, phát triển vùng DTTS và bảo đảm an sinh xã hội. Hiệu quả của các chính sách này phụ thuộc vào sự phối hợp giữa chính quyền địa phương, cơ quan giáo dục, lực lượng quản lý giao thông đường thủy, nhà trường, gia đình và cộng đồng. Vì vậy, nghiên cứu quá trình thực thi chính sách trong bối cảnh vùng lòng hồ có ý nghĩa quan trọng nhằm nhận diện những kết quả đạt được, những khoảng trống trong tổ chức thực hiện và các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả chính sách.

Mặc dù đã có nhiều nghiên cứu về quyền học tập của trẻ em, giáo dục vùng DTTS, ATGTĐT hoặc phòng, chống đuối nước, song các nghiên cứu tiếp cận từ góc độ thực thi chính sách công đối với việc bảo đảm đồng thời quyền học tập và ATGTĐT cho trẻ em DTTS ở vùng lòng hồ còn khá hạn chế. Đặc biệt, chưa có nhiều nghiên cứu

sử dụng dữ liệu khảo sát thực địa để đánh giá mức độ phối hợp giữa các chủ thể thực thi chính sách và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả thực hiện chính sách trong điều kiện địa lý đặc thù.

Xuất phát từ bối cảnh đó, bài viết tập trung phân tích việc thực thi chính sách bảo đảm quyền học tập gắn với ATGTĐT đối với trẻ em DTTS vùng lòng hồ Hòa Bình trên cơ sở bằng chứng từ nghiên cứu thực địa. Kết quả nghiên cứu không chỉ góp phần bổ sung bằng chứng khoa học về thực thi chính sách đối với nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc thù mà còn đề xuất các hàm ý chính sách nhằm nâng cao hiệu quả phối hợp liên ngành, hoàn thiện cơ chế thực hiện và bảo đảm tốt hơn quyền học tập của trẻ em tại các vùng lòng hồ và những địa bàn có điều kiện tương tự ở Việt Nam.

1.2. Khoảng trống nghiên cứu

Bài viết hướng tới mục tiêu tổng quát là đánh giá việc thực thi chính sách bảo đảm quyền học tập gắn với ATGTĐT đối với trẻ em DTTS vùng lòng hồ Hòa Bình trên cơ sở bằng chứng từ nghiên cứu thực địa; từ đó đề xuất các hàm ý chính sách nhằm nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện và bảo đảm tốt hơn quyền học tập của trẻ em tại các địa bàn có điều kiện giao thông đường thủy đặc thù.

Để đạt được mục tiêu trên, bài viết tập trung thực hiện các mục tiêu cụ thể sau:

- Phân tích cơ sở lý luận và cơ sở chính sách về thực thi chính sách bảo đảm quyền học tập gắn với ATGTĐT đối với trẻ em DTTS.

- Đánh giá thực trạng thực thi chính sách bảo đảm quyền học tập và ATGTĐT đối với trẻ em DTTS vùng lòng hồ Hòa Bình thông qua kết quả khảo sát thực địa và ý kiến của các bên liên quan.

- Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình thực thi chính sách, bao gồm điều kiện tự nhiên, nguồn lực thực hiện, cơ chế phối hợp liên ngành, năng lực của các chủ thể thực thi và sự tham gia của cộng đồng.

- Đề xuất các hàm ý chính sách nhằm hoàn thiện cơ chế phối hợp liên ngành, nâng cao hiệu quả thực thi chính sách và tăng cường khả năng tiếp cận giáo dục an toàn, bền vững cho trẻ em

DTTS tại vùng lòng hồ Hòa Bình và các địa bàn có điều kiện tương tự.

1.3. Câu hỏi nghiên cứu

- Việc thực thi chính sách bảo đảm quyền học tập gắn với ATGTĐT đối với trẻ em DTTS vùng lòng hồ Hòa Bình hiện nay được triển khai như thế nào?

- Những yếu tố nào ảnh hưởng đến hiệu quả thực thi chính sách trong bối cảnh vùng lòng hồ?

- Cần có những điều chỉnh nào về cơ chế phối hợp và tổ chức thực hiện để nâng cao hiệu quả thực thi chính sách và bảo đảm quyền học tập của trẻ em DTTS?

2. Cơ sở lý luận và khung phân tích.

2.1. Lý thuyết thực thi chính sách công

Hiệu quả của một chính sách không chỉ phụ thuộc vào chất lượng thiết kế mà còn chịu ảnh hưởng quyết định của quá trình tổ chức thực hiện, nơi khoảng cách giữa mục tiêu và kết quả thực tế thường xuất hiện do tác động của nguồn lực, năng lực cơ quan thực thi, sự phối hợp giữa các chủ thể và bối cảnh kinh tế - xã hội. Sabatier và Mazmanian (1980) cũng nhấn mạnh rằng hiệu quả thực thi chịu tác động bởi ba nhóm yếu tố chính: i) Nội dung chính sách; ii) Năng lực của các cơ quan thực thi; và iii) Các điều kiện kinh tế, xã hội và môi trường thực hiện [4]. Trong nghiên cứu này, khung lý thuyết trên được vận dụng để đánh giá quá trình triển khai các chính sách bảo đảm quyền học tập gắn với ATGTĐT tại vùng lòng hồ Hòa Bình, tập trung phân tích tổ chức thực hiện, mức độ phối hợp giữa các chủ thể và các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả thực thi cũng như những khoảng trống trong quá trình triển khai ở địa phương.

2.2. Tiếp cận dựa trên quyền đối với bảo đảm quyền học tập của trẻ em

Tiếp cận dựa trên quyền xem giáo dục không chỉ là dịch vụ công mà là quyền cơ bản của mọi trẻ em, đòi hỏi Nhà nước và các chủ thể liên quan

phải bảo đảm thực hiện bình đẳng, không phân biệt giới tính, dân tộc, điều kiện kinh tế hay nơi cư trú. Đối với trẻ em DTTS sinh sống tại vùng lòng hồ, việc thực hiện quyền học tập không chỉ phụ thuộc vào chính sách giáo dục mà còn chịu ảnh hưởng trực tiếp của điều kiện tiếp cận trường học và mức độ an toàn trong quá trình di chuyển. Do vậy, bảo đảm quyền học tập cần được xem xét trong mối quan hệ với việc bảo đảm ATGTĐT và các điều kiện hỗ trợ cần thiết để trẻ em có thể đến trường một cách an toàn, liên tục và bình đẳng. Cách tiếp cận này giúp nghiên cứu không chỉ đánh giá kết quả chính sách mà còn xem xét mức độ đáp ứng quyền của trẻ em, trách nhiệm của các cơ quan thực thi và khả năng tiếp cận dịch vụ công trong điều kiện địa lý đặc thù.

2.3. Quản trị công và phối hợp liên ngành trong thực thi chính sách

Quan điểm quản trị công hiện đại cho rằng hiệu quả của chính sách phụ thuộc đáng kể vào chất lượng phối hợp giữa các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội, cộng đồng và người dân trong suốt quá trình thực thi. Đối với chính sách bảo đảm quyền học tập gắn với ATGTĐT, các chủ thể tham gia bao gồm cơ quan quản lý giáo dục, chính quyền địa phương, lực lượng quản lý giao thông đường thủy, nhà trường, gia đình và cộng đồng. Việc vận dụng cách tiếp cận này giúp nghiên cứu phân tích cơ chế phối hợp, nhận diện điểm mạnh, hạn chế và khoảng trống trong tổ chức thực hiện, từ đó đề xuất hàm ý nâng cao hiệu quả và trách nhiệm giải trình của các bên liên quan.

2.4. Cơ sở chính sách về bảo đảm quyền học tập gắn với an toàn giao thông đường thủy đối với trẻ em

Hiến pháp năm 2013 khẳng định mọi công dân có quyền và nghĩa vụ học tập; trẻ em được Nhà nước, gia đình và xã hội bảo vệ, chăm sóc và giáo dục. Đây là cơ sở pháp lý cao nhất để bảo đảm mọi trẻ em đều được tiếp cận giáo dục một cách bình đẳng, không bị cản trở bởi điều kiện địa lý hay hoàn cảnh kinh tế - xã hội [1].

Luật Trẻ em năm 2016 quy định trẻ em có quyền được giáo dục, học tập nhằm phát triển

toàn diện, được bình đẳng về cơ hội học tập và phát triển năng khiếu. Luật cũng xác định rõ trách nhiệm của Nhà nước trong việc xây dựng các chính sách hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em thuộc hộ nghèo, trẻ em DTTS, trẻ em sinh sống tại miền núi, vùng sâu, vùng xa và địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được tiếp cận giáo dục, giảm thiểu tình trạng bỏ học [2].

Luật Giáo dục năm 2019 tiếp tục cụ thể hóa quyền học tập thông qua việc bảo đảm môi trường giáo dục an toàn, bình đẳng và thân thiện cho người học. Đáng chú ý, Luật yêu cầu gia đình và người giám hộ có trách nhiệm tạo mọi điều kiện để trẻ em hoàn thành chương trình giáo dục phổ cập, qua đó khẳng định quyền học tập không chỉ là quyền của trẻ em mà còn là trách nhiệm của toàn xã hội [5].

Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2004 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) quy định nguyên tắc bảo đảm an toàn cho người và phương tiện khi tham gia giao thông đường thủy; quy định điều kiện hoạt động của phương tiện, điều kiện đối với người điều khiển phương tiện, việc trang bị phương tiện cứu sinh và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân tham gia giao thông đường thủy [6]. Cùng với đó, Thông tư số 15/2012/TT-BGTVT quy định việc trang bị và sử dụng áo phao cứu sinh trên phương tiện vận tải hành khách ngang sông [7]; Thông tư số 08/2020/TT-BGTVT quy định hệ thống báo hiệu đường thủy nội địa và Nghị định số 139/2021/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa đã tạo cơ sở pháp lý cho việc tăng cường quản lý và nâng cao ý thức chấp hành các quy định về ATGTĐT [8].

Riêng đối với tỉnh Hòa Bình, năm 2023, Sở Giáo dục và Đào tạo Hòa Bình ban hành các công văn và kế hoạch yêu cầu các cơ sở giáo dục tăng cường tuyên truyền, giáo dục pháp luật về ATGTĐT; hướng dẫn học sinh mặc áo phao, sử dụng dụng cụ cứu sinh, huấn luyện kỹ năng phòng chống đuối nước và vận động các tổ chức, cá nhân hỗ trợ áo phao, cặp phao cho học sinh thường xuyên đi học bằng phương tiện đường thủy.

Có thể thấy, hệ thống chính sách hiện hành của Việt Nam đã hình thành một khuôn khổ pháp lý tương đối đầy đủ, kết nối giữa bảo đảm quyền học tập và bảo đảm ATGTĐT. Tuy nhiên, kết quả khảo sát tại vùng lòng hồ Hòa Bình cho thấy vẫn còn khoảng cách đáng kể giữa quy định chính sách và thực tiễn thực thi, đặc biệt trong việc bảo đảm phương tiện đưa đón học sinh đạt chuẩn an toàn, trang bị đầy đủ phương tiện cứu sinh, nâng cao năng lực của người điều khiển phương tiện và huy động sự tham gia của cộng đồng trong bảo vệ quyền học tập của trẻ em DTTS. Chính khoảng cách này là cơ sở để bài viết tiếp tục phân tích thực trạng và đề xuất các hàm ý chính sách nhằm nâng cao hiệu quả thực thi trong thời gian tới.

3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết dựa trên kết quả nghiên cứu của Dự án “Nâng cao nhận thức và hiểu biết pháp luật cho cha mẹ và trẻ em DTTS đi học bằng thuyền về quyền học tập và ATGTĐT nội địa tại tỉnh Hòa Bình”, được tài trợ bởi Quỹ Thúc đẩy Sáng kiến Tư pháp (Quỹ JIFF). Dự án do PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Hoa, Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng và Phát triển Công tác xã hội (CARDSW) làm giám đốc Dự án. Tác giả bài viết là thành viên chính của Dự án tham gia xây dựng bảng hỏi, tiến hành khảo sát 151 cha mẹ có con đi học bằng thuyền (tháng 9/2023) tại 3 trường: Trường TH&THCS Thái Thịnh, phường Thái Bình nay là phường Tân Hòa; Trường TH&THCS Ngòi Hoa, xã Suối Hoa nay là xã Mường Hoa và Trường PTDTBT Tiểu học và THCS Vây Nưa, xã Vây Nưa nay là xã Tiên Phong. Thực hiện phỏng vấn sâu 26 người (2 cán bộ Sở Giáo dục và Đào tạo và Sở Tư pháp của tỉnh, 6 cán bộ xã và y tế quản lý 3 trường, 18 giáo viên và cha mẹ học sinh tại 3 trường) nhằm làm rõ hơn nhận thức, thái độ và hành vi của cha mẹ trong việc bảo đảm quyền học tập và an toàn cho trẻ em DTTS tại địa bàn nghiên cứu. Ngoài ra, dự án còn tổ chức thảo luận 3 nhóm tại 3 trường, mỗi nhóm có 10 người, bao gồm giáo viên, chủ thuyền và cha mẹ. Nội dung thảo luận về thực hiện các chính sách, pháp luật liên quan đến

bảo đảm quyền học tập của trẻ em và ATGTĐT nội địa.

Nghiên cứu đã được Hội đồng thẩm định, cấp mã số đạo đức (XHNV -101) trong nghiên cứu của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn được thành lập theo Quyết định số 4723/QĐ-XHNV ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn họp vào ngày 11 tháng 12 năm 2023 kết luận đạt chuẩn và không vi phạm các nguyên tắc đạo đức trong lĩnh vực nghiên cứu xã hội học.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Thực trạng thực thi chính sách bảo đảm quyền học tập đối với trẻ em dân tộc thiểu số vùng lòng hồ Hòa Bình

Kết quả khảo sát thực địa cho thấy, trong những năm gần đây, việc thực thi các chính sách bảo đảm quyền học tập đối với trẻ em DTTS vùng lòng hồ Hòa Bình đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Các chính sách về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học sinh bán trú, đầu tư cơ sở vật chất trường học và phổ cập giáo dục đã góp phần tạo điều kiện để trẻ em vùng đặc biệt khó khăn được tiếp cận giáo dục thuận lợi hơn. Nhận thức của chính quyền địa phương, nhà trường và phụ huynh về quyền học tập của trẻ em từng bước được nâng lên, tỷ lệ trẻ em đến trường được duy trì tương đối ổn định và tình trạng bỏ học có xu hướng giảm so với giai đoạn trước. Tuy nhiên, kết quả khảo sát cũng cho thấy việc thực hiện quyền học tập của trẻ em tại vùng lòng hồ vẫn chịu ảnh hưởng đáng kể bởi điều kiện địa lý và giao thông đặc thù. Đối với nhiều hộ gia đình, việc đưa trẻ đến trường hằng ngày phụ thuộc hoàn toàn vào phương tiện đường thủy, làm gia tăng chi phí đi lại, thời gian di chuyển và những rủi ro trong mùa mưa bão hoặc khi mực nước hồ thay đổi. Điều này cho thấy quyền học tập của trẻ em tại khu vực nghiên cứu không chỉ phụ thuộc vào các chính sách giáo dục mà còn gắn chặt với hiệu quả thực thi các chính sách bảo đảm ATGTĐT.

“Không có trẻ em nào không được đến trường. Mùa mưa, nắng phải đi học dù cách trở sông nước, mưa bão thì đến bằng thuyền, mùa đông sương mù, gió rét vẫn đi. Mỗi tháng đóng 150.000 đồng cho chủ thuyền. Có những em nợ khoảng 5 đến 6 triệu tiền thuyền, có gia đình 6 đến 7 tháng không đóng tiền thuyền. Khó khăn trong việc di chuyển nên một tuần đạt 100% đi học là rất khó. Thời tiết cực đoan mưa gió phụ huynh phải gọi điện xin cho con nghỉ học, có học sinh nghỉ nhiều quá nên giáo viên cũng vất vả. Có những em bị ngã xuống nước, ướt hết cặp sách”. (N.T.N, Nữ, 36 tuổi, Trưởng ban đại diện phụ huynh Trường TH&THCS Thái Thịnh).

Phân tích ý kiến của phụ huynh và giáo viên cho thấy đa số đánh giá tích cực về các chính sách hỗ trợ học tập của Nhà nước, song vẫn bày tỏ lo ngại đối với điều kiện đưa đón học sinh bằng thuyền, đặc biệt trong các thời điểm thời tiết cực đoan. Dưới góc độ lý thuyết thực thi chính sách công, kết quả nghiên cứu cho thấy khoảng cách giữa mục tiêu chính sách và kết quả thực tế chủ yếu xuất phát từ các điều kiện thực hiện tại địa phương, đặc biệt là sự khác biệt về điều kiện tự nhiên, nguồn lực đầu tư và khả năng phối hợp giữa các chủ thể thực thi. Điều này khẳng định rằng việc bảo đảm quyền học tập cho trẻ em vùng lòng hồ cần được tiếp cận theo hướng liên ngành, trong đó chính sách giáo dục phải được triển khai đồng bộ với các chính sách về giao thông, bảo vệ trẻ em và phát triển vùng đồng bào DTTS.

4.2. Thực trạng thực thi chính sách bảo đảm an toàn giao thông đường thủy đối với trẻ em dân tộc thiểu số vùng lòng hồ Hòa Bình

Bảo đảm ATGTĐT là một trong những điều kiện quan trọng để thực hiện quyền học tập của trẻ em tại vùng lòng hồ Hòa Bình. Đối với nhiều học sinh DTTS, việc đến trường hằng ngày phụ thuộc chủ yếu vào phương tiện đường thủy. Thực tế cho thấy, một số phụ huynh vẫn còn tâm lý chủ quan; việc sử dụng áo phao hoặc các thiết bị cứu sinh chưa được thực hiện nghiêm túc trong mọi trường hợp; công tác tuyên truyền chủ yếu tập trung vào một số thời điểm trong năm học mà chưa trở thành hoạt động thường xuyên.

Điều này phản ánh khoảng cách giữa quy định của chính sách và thực tiễn tổ chức thực hiện tại cơ sở.

“Theo quy định đúng thì thuyền chỉ chở 5-7 em học sinh thôi, nhưng có hôm thuyền vẫn chở 17 người, vượt quá mức quy định, do tiền xăng đắt, Chúng tôi nhiều hôm thấy ở bến có những em ngồi thuyền nhưng nô đùa nhau, không mặc áo phao, rất nguy hiểm, mặc dù chúng tôi đã nói với các em hàng ngày khi đến lớp thể nhưng các em vẫn không làm theo. Có trường hợp học sinh lớp 9 phải tự lái thuyền đi học, thuyền đạp chân thì chở được 3 người, rất nguy hiểm”. (Đ.H.T, Nam, 38 tuổi, Giáo viên Trường TH&THCS Thái Thịnh).

Mặc dù chính quyền địa phương, nhà trường, lực lượng chức năng và cộng đồng đều tham gia vào quá trình bảo đảm ATGTĐT, song sự phối hợp trong chia sẻ thông tin, kiểm tra, giám sát và xử lý các tình huống phát sinh chưa thật sự chặt chẽ. Một số hoạt động còn mang tính thời điểm hoặc phụ thuộc vào các chương trình hỗ trợ, chưa hình thành được cơ chế phối hợp thường xuyên, ổn định và có tính bền vững.

“Ở một số địa phương, vai trò của các cấp chính quyền thúc đẩy giáo dục chưa thực sự phát huy hiệu quả mặc dù hệ thống chính sách ưu tiên, hỗ trợ giáo dục cho TE người DTTS được ban hành khá nhiều; kèm theo đó là việc thực thi, giám sát thực thi có lúc chưa hiệu quả; sự phối kết hợp giữa các cơ quan chức năng có liên quan còn chưa chặt chẽ” (Nam, 49 tuổi, Phó giám đốc Sở giáo dục và đào tạo).

Dưới góc độ lý thuyết thực thi chính sách công, những kết quả trên cho thấy hiệu quả của chính sách bảo đảm ATGTĐT không chỉ phụ thuộc vào hệ thống văn bản quy phạm pháp luật mà còn chịu tác động bởi năng lực của các chủ thể thực thi, mức độ huy động nguồn lực, điều kiện tự nhiên và cơ chế phối hợp liên ngành.

Từ những kết quả trên có thể nhận thấy, chính sách bảo đảm ATGTĐT đã tạo ra những chuyển biến tích cực trong việc bảo vệ học sinh khi đến trường, góp phần duy trì quyền học tập của trẻ em DTTS vùng lòng hồ Hòa Bình. Tuy nhiên, để nâng cao hiệu quả thực thi trong thời gian tới, cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế phối hợp

giữa các cơ quan quản lý, tăng cường đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy, chuẩn hóa các phương tiện vận chuyển học sinh và xây dựng các giải pháp quản lý phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế và xã hội của vùng lòng hồ.

4.3. Những khoảng trống trong thực thi chính sách bảo đảm quyền học tập gắn với an toàn giao thông đường thủy

Mặc dù các chính sách bảo đảm quyền học tập và ATGTĐT đối với trẻ em DTTS vùng lòng hồ Hòa Bình đã đạt được nhiều kết quả tích cực, song kết quả khảo sát thực địa cho thấy vẫn còn tồn tại một số khoảng trống trong quá trình tổ chức thực hiện. Những khoảng trống này không chỉ ảnh hưởng đến hiệu quả thực thi chính sách mà còn làm giảm khả năng tiếp cận giáo dục an toàn và bền vững của trẻ em tại địa bàn nghiên cứu.

Khoảng trống về điều kiện hạ tầng và nguồn lực thực hiện chính sách. Kết quả khảo sát cho thấy 92,7% số hộ gia đình được hỏi cho rằng điều kiện bến thuyền, điểm đón trả học sinh và cơ sở hạ tầng giao thông đường thủy chưa đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn; trong khi 89% giáo viên được khảo sát nhận định việc đầu tư cho các phương tiện đưa đón học sinh còn hạn chế.

“Chúng tôi rất quan tâm đến việc bảo đảm an toàn cho học sinh, nhưng nhiều bến thuyền vẫn là bến tạm. Khi trời mưa hoặc nước hồ lên xuống thất thường thì việc đưa đón các cháu gặp rất nhiều khó khăn”. (Nữ, 43 tuổi, hiệu phó trường Tiểu học và THCS Vầy Nưa).

Những kết quả này phản ánh khoảng cách giữa mục tiêu của chính sách và điều kiện thực tế trong quá trình triển khai tại địa phương.

Khoảng trống trong cơ chế phối hợp liên ngành. Kết quả khảo sát cho thấy 56,5% người được hỏi đánh giá sự phối hợp giữa nhà trường, chính quyền địa phương và các lực lượng chức năng mới chỉ ở mức “khá”, trong khi chỉ 33,3% cho rằng việc phối hợp được thực hiện thường xuyên và hiệu quả.

Qua phỏng vấn sâu, nhiều ý kiến cho rằng hoạt động phối hợp chủ yếu diễn ra vào đầu năm

học hoặc trong các đợt tuyên truyền, chưa hình thành cơ chế phối hợp liên tục giữa các bên.

"Khi có chương trình hoặc chiến dịch thì các đơn vị phối hợp rất tốt, nhưng sau đó việc theo dõi, kiểm tra và chia sẻ thông tin chưa được duy trì thường xuyên do còn thiếu nhân lực và kinh phí." (Nam, 48 tuổi, lãnh đạo UBND xã).

Điều này cho thấy việc thực thi chính sách vẫn mang tính phân tán giữa các ngành, chưa hình thành được cơ chế quản trị liên ngành phù hợp với điều kiện đặc thù của vùng lòng hồ.

Khoảng trống về nhận thức và sự tham gia của cộng đồng. Đa số phụ huynh nhận thức được tầm quan trọng của việc bảo đảm an toàn khi đưa trẻ đến trường bằng thuyền, nhưng vẫn còn 32,5% phụ huynh chưa thực hiện đầy đủ các quy định về sử dụng áo phao hoặc các thiết bị cứu sinh; 27,8% cho rằng việc tuân thủ các quy định còn phụ thuộc vào điều kiện thời tiết và quãng đường di chuyển.

"Nhà cách trường không xa nên nhiều khi chúng tôi nghĩ đi một đoạn ngắn thì không cần mặc áo phao cho các cháu. Sau này được tuyên truyền nhiều hơn mới thấy việc đó rất nguy hiểm." (Nữ, 38 tuổi, phụ huynh học sinh TH và THCS Ngòi Hoa).

Kết quả này cho thấy việc nâng cao nhận thức cần được triển khai thường xuyên, kết hợp giữa truyền thông, giáo dục kỹ năng và sự giám sát của cộng đồng.

Khoảng trống trong thiết kế và thực hiện chính sách đối với địa bàn đặc thù. Một phát hiện đáng chú ý của nghiên cứu là nhiều chính sách hiện hành được xây dựng theo hướng áp dụng chung cho các địa phương, trong khi điều kiện tự nhiên, giao thông và phân bố dân cư của vùng lòng hồ có những đặc điểm rất khác biệt. Điều này dẫn đến việc một số quy định hoặc tiêu chuẩn kỹ thuật chưa thực sự phù hợp với điều kiện thực tế.

Nhiều cán bộ địa phương và giáo viên được phỏng vấn đều cho rằng cần có cơ chế hỗ trợ riêng đối với các trường học và học sinh phải thường xuyên sử dụng phương tiện đường thủy để đến trường.

"Nếu áp dụng cùng một cơ chế như ở khu vực đồng bằng thì rất khó. Vùng lòng hồ cần có

chính sách riêng về đầu tư phương tiện, bến thuyền và kinh phí vận hành để bảo đảm an toàn cho học sinh". (Nam, 32 tuổi, cán bộ Sở Giáo dục và Đào tạo).

Bình luận chính sách

Những kết quả nghiên cứu cho thấy khoảng trống lớn nhất trong thực thi chính sách không phải do thiếu hệ thống văn bản pháp luật, mà xuất phát từ điều kiện tổ chức thực hiện. Tại vùng lòng hồ Hòa Bình, hiệu quả thực thi chịu ảnh hưởng đồng thời của điều kiện tự nhiên, nguồn lực đầu tư, năng lực chủ thể và cơ chế phối hợp liên ngành. Do đó, hoàn thiện chính sách cần chuyển trọng tâm từ ban hành quy định mới sang tăng cường năng lực thực thi, xây dựng cơ chế phối hợp thường xuyên và thiết kế chính sách đặc thù phù hợp với điều kiện vùng lòng hồ, đây là tiền đề quan trọng để bảo đảm quyền học tập gắn với ATGTĐT cho trẻ em DTTS.

4.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả thực thi chính sách bảo đảm quyền học tập gắn với an toàn giao thông đường thủy

Kết quả khảo sát và phỏng vấn sâu cho thấy hiệu quả thực thi chính sách bảo đảm quyền học tập gắn với ATGTĐT đối với trẻ em DTTS vùng lòng hồ Hòa Bình chịu tác động đồng thời của nhiều nhóm yếu tố.

Điều kiện tự nhiên và đặc điểm địa lý của vùng lòng hồ là yếu tố có ảnh hưởng rõ nét nhất đến hiệu quả thực thi chính sách. Đặc điểm địa hình chia cắt, khoảng cách từ nơi ở đến trường học xa, sự biến động của mực nước hồ theo mùa và điều kiện thời tiết bất thường làm gia tăng chi phí tổ chức đưa đón học sinh, đồng thời tiềm ẩn nhiều nguy cơ mất ATGTĐT.

Kết quả khảo sát cho thấy 92,7% phụ huynh cho rằng điều kiện thời tiết và mực nước hồ là những trở ngại lớn nhất đối với việc đưa trẻ đến trường; 88,1% giáo viên nhận định việc tổ chức dạy học trong mùa mưa bão thường bị ảnh hưởng do học sinh không thể đến lớp đúng thời gian.

"Có những ngày mưa to, gió lớn, nhà trường phải chủ động điều chỉnh kế hoạch học tập vì nhiều học sinh không thể di chuyển bằng thuyền đến trường an toàn. Có những ngày 50% các em nghỉ học, không đến lớp, nên giáo viên phải

đạy bù" (Nữ, 41 tuổi, giáo viên TH&THCS Thái Thịnh).

Những kết quả này cho thấy điều kiện tự nhiên không chỉ là bối cảnh của chính sách mà còn là yếu tố quyết định khả năng thực thi chính sách tại vùng lòng hồ.

Nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất và nhân lực là điều kiện quan trọng bảo đảm việc triển khai các chính sách đạt hiệu quả. Mặc dù trong thời gian qua địa phương đã quan tâm đầu tư cơ sở vật chất trường học và hỗ trợ phương tiện an toàn, nhưng kết quả khảo sát cho thấy nguồn lực hiện có vẫn chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu thực tế. Có 87,4% cán bộ quản lý và giáo viên được khảo sát cho rằng kinh phí dành cho công tác bảo đảm ATGTĐT còn hạn chế; 98,0% phụ huynh cho biết việc duy tu, sửa chữa hoặc thay thế phương tiện vận chuyển chủ yếu dựa vào nguồn lực của gia đình và cộng đồng.

"Nguồn lực đầu tư đã được cải thiện nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu của địa bàn đặc thù. Việc duy trì phương tiện bảo đảm an toàn cần có nguồn kinh phí ổn định và lâu dài". (Nam, 43 tuổi, cán bộ quản lý giáo dục).

Năng lực của các chủ thể thực thi chính sách. Hiệu quả thực thi chính sách phụ thuộc đáng kể vào năng lực của các cơ quan và cá nhân trực tiếp triển khai chính sách. Khảo sát cho thấy đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và chính quyền địa phương đều có nhận thức tích cực về vai trò của việc bảo đảm quyền học tập và ATGTĐT. Tuy nhiên, việc triển khai chính sách vẫn gặp khó khăn do khối lượng công việc lớn, thiếu cán bộ chuyên trách và hạn chế về kỹ năng quản lý rủi ro. Theo kết quả khảo sát, 72,8% người được hỏi cho rằng cần tăng cường tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng quản lý và ứng phó với các tình huống khẩn cấp trên đường thủy; 35,8% đề nghị có thêm hướng dẫn chuyên môn đối với công tác quản lý học sinh đi học bằng thuyền.

Cơ chế phối hợp liên ngành. Kết quả nghiên cứu cho thấy cơ chế phối hợp giữa ngành giáo dục, chính quyền địa phương, lực lượng chức năng, nhà trường và cộng đồng có ý nghĩa quyết định đối với hiệu quả thực thi chính sách. Khảo sát cho thấy 57,6% người được hỏi đánh giá việc phối hợp giữa các cơ quan ở mức tốt hoặc khá;

tuy nhiên vẫn có 36,4% ý kiến cho rằng việc chia sẻ thông tin, kiểm tra và giám sát chưa được thực hiện thường xuyên.

"Muốn bảo đảm an toàn cho học sinh thì không thể chỉ có ngành giáo dục. Chính quyền, lực lượng chức năng, phụ huynh và cộng đồng đều phải cùng tham gia thì chính sách mới phát huy hiệu quả".

(Nam, 49 tuổi, lãnh đạo chính quyền xã Vây Nưa).

Kết quả này phù hợp với quan điểm của quản trị công hiện đại, theo đó hiệu quả chính sách phụ thuộc vào chất lượng phối hợp giữa các chủ thể thực thi nhiều hơn là hoạt động riêng lẻ của từng cơ quan.

Nhận thức và sự tham gia của cộng đồng. Sự đồng thuận và tham gia của cộng đồng là một trong những yếu tố quan trọng quyết định tính bền vững của chính sách. Kết quả khảo sát cho thấy đa số phụ huynh và người dân đều nhận thức được tầm quan trọng của việc bảo đảm quyền học tập và ATGTĐT cho trẻ em. Tuy nhiên, mức độ tham gia vào các hoạt động giám sát, tuyên truyền và hỗ trợ thực hiện chính sách còn có sự khác biệt giữa các địa bàn. Có 62,3% phụ huynh cho biết họ thường xuyên tham gia các hoạt động tuyên truyền về ATGTĐT do nhà trường hoặc địa phương tổ chức; trong khi 76,8% cho rằng các hoạt động này cần được tổ chức thường xuyên hơn và có hình thức phù hợp với điều kiện thực tế.

"Nếu chỉ tuyên truyền một vài lần trong năm thì rất khó thay đổi thói quen. Chúng tôi mong có thêm nhiều buổi hướng dẫn thực hành để cả người lớn và trẻ em đều biết cách xử lý khi gặp tình huống nguy hiểm". (Nữ, 35 tuổi, phụ huynh học sinh trường TH và THCS Ngòi Hoa).

Bình luận chính sách: Từ các kết quả phân tích có thể thấy, hiệu quả thực thi chính sách tại vùng lòng hồ Hòa Bình chịu tác động đồng thời của điều kiện tự nhiên, nguồn lực, năng lực thực thi, cơ chế phối hợp liên ngành và sự tham gia cộng đồng, trong đó địa hình đặc thù và chất lượng phối hợp giữa các chủ thể là hai yếu tố nổi bật nhất.

5. Hàm ý chính sách

Trên cơ sở những phát hiện từ nghiên cứu, bài viết đề xuất một số hàm ý chính sách nhằm

nâng cao hiệu quả thực thi theo các nhóm nội dung sau:

5.1. Hoàn thiện thể chế và chính sách đặc thù đối với vùng lòng hồ

Một trong những phát hiện quan trọng của nghiên cứu là các chính sách hiện hành chủ yếu được xây dựng theo hướng áp dụng chung cho các địa phương, trong khi vùng lòng hồ có điều kiện tự nhiên, hạ tầng giao thông và phương thức tiếp cận trường học rất đặc thù.

Việc xây dựng cơ chế chính sách đặc thù cần tập trung vào các nội dung như: quy định về tiêu chuẩn an toàn đối với phương tiện đưa đón học sinh; hỗ trợ đầu tư bến thuyền, điểm đón trả học sinh; cơ chế hỗ trợ chi phí vận hành phương tiện; và quy trình ứng phó với các tình huống thiên tai, thời tiết cực đoan ảnh hưởng đến việc đi học của trẻ em.

5.2. Tăng cường nguồn lực cho thực thi chính sách

Hiệu quả thực thi chính sách phụ thuộc rất lớn vào nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ việc đưa đón học sinh.

Song song với nguồn ngân sách nhà nước, cần đẩy mạnh xã hội hóa thông qua việc huy động sự tham gia của doanh nghiệp, tổ chức xã hội, quỹ từ thiện và cộng đồng địa phương nhằm bổ sung nguồn lực cho các chương trình hỗ trợ học sinh vùng khó khăn. Việc đa dạng hóa nguồn lực sẽ góp phần nâng cao tính bền vững của các hoạt động bảo đảm quyền học tập và ATGTĐT.

5.3. Đổi mới cơ chế phối hợp liên ngành trong thực thi chính sách

Nghiên cứu cho thấy cơ chế phối hợp giữa ngành giáo dục, chính quyền địa phương, lực lượng quản lý giao thông đường thủy, nhà trường và cộng đồng còn chưa thật sự đồng bộ. Vì vậy, cần xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành theo hướng xác định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, thiết lập quy trình chia sẻ thông tin và tăng cường kiểm tra, giám sát trong quá trình tổ chức thực hiện.

Cần ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giám sát hoạt động đưa đón học sinh,

xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý rủi ro và cảnh báo sớm khi có diễn biến bất thường về thời tiết hoặc giao thông.

5.4. Nâng cao năng lực của các chủ thể thực thi chính sách

Để nâng cao hiệu quả thực thi chính sách, cần chú trọng bồi dưỡng năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, chính quyền địa phương, giáo viên và những người trực tiếp tham gia đưa đón học sinh.

Bên cạnh đó, cần xây dựng các bộ tài liệu hướng dẫn và quy trình chuẩn về tổ chức đưa đón học sinh bằng phương tiện đường thủy phù hợp với điều kiện của vùng lòng hồ.

5.5. Phát huy vai trò của cộng đồng và gia đình trong thực thi chính sách

Kết quả nghiên cứu khẳng định rằng sự tham gia của gia đình và cộng đồng là yếu tố quan trọng bảo đảm tính bền vững của chính sách. Do đó, cần tăng cường các hoạt động truyền thông, giáo dục kỹ năng và nâng cao nhận thức của phụ huynh, học sinh và người dân về quyền học tập cũng như các quy định về ATGTĐT.

Các nhà trường cần phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và các tổ chức đoàn thể để xây dựng mạng lưới giám sát cộng đồng, khuyến khích người dân tham gia phát hiện, phản ánh và xử lý kịp thời các nguy cơ mất an toàn trong quá trình đưa đón học sinh.

6. Kết luận

Bảo đảm quyền học tập cho trẻ em DTTS là một trong những mục tiêu quan trọng của chính sách giáo dục, an sinh xã hội và phát triển bền vững ở Việt Nam. Đối với vùng lòng hồ Hòa Bình, nơi việc đến trường của nhiều học sinh phụ thuộc vào giao thông đường thủy, quyền học tập chỉ có thể được bảo đảm đầy đủ khi các chính sách về giáo dục, ATGTĐT và bảo vệ trẻ em được thực thi đồng bộ, hiệu quả và phù hợp với điều kiện đặc thù của địa phương.

Kết quả nghiên cứu cho thấy các chính sách hiện hành đã góp phần cải thiện điều kiện tiếp cận giáo dục, nâng cao nhận thức của chính quyền, nhà trường, gia đình và cộng đồng về bảo đảm an toàn cho học sinh trong quá trình đến trường. Tuy nhiên, quá trình thực thi chính sách vẫn còn những hạn chế liên quan đến điều kiện hạ tầng, nguồn lực thực hiện, năng lực của các chủ thể thực thi, cơ chế phối hợp liên ngành và đặc điểm địa lý đặc thù của vùng lòng hồ.

Một trong những phát hiện quan trọng của nghiên cứu là khoảng cách giữa mục tiêu chính sách và kết quả thực thi không chủ yếu xuất phát từ sự thiếu hụt của hệ thống chính sách, mà chủ yếu do những rào cản trong quá trình tổ chức thực hiện tại địa phương.

Về mặt học thuật, nghiên cứu góp phần bổ sung bằng chứng thực nghiệm cho lĩnh vực nghiên cứu thực thi chính sách công thông qua việc phân tích mối quan hệ giữa quyền học tập và ATGTĐT trong một bối cảnh địa lý đặc thù. Đồng thời, nghiên cứu mở rộng cách tiếp cận về bảo đảm quyền học tập khi xem xét quyền này trong mối liên hệ với điều kiện tiếp cận giáo dục an toàn và sự phối hợp giữa nhiều chủ thể thực thi chính sách.

Về mặt thực tiễn, các kết quả nghiên cứu và hệ thống hàm ý chính sách được đề xuất có thể là tài liệu tham khảo hữu ích cho các cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương và các cơ sở giáo dục trong quá trình xây dựng, điều chỉnh và tổ chức thực hiện các chính sách bảo đảm quyền học tập gắn với ATGTĐT đối với trẻ em DTTS.

Tài liệu tham khảo

- [1] National Assembly, Constitution of the Socialist Republic of Vietnam, 2013 (in Vietnamese).
- [2] National Assembly, Law on Children, 2016 (in Vietnamese).
- [3] Prime Minister, Decision Approving The National Target Program on Socio-Economic Development in Ethnic Minority And Mountainous Areas for the 2021-2030 Period, 2022 (in Vietnamese).
- [4] P. A. Sabatier, D. A. Mazmanian, The Implementation of Public Policy: A Framework of Analysis, Policy Studies Journal, Vol. 8, No. 4, 1980, pp. 538-560.
- [5] Central Committee, Resolution No. 29-NQ/TW Dated November 4, 2013, on Fundamental and Comprehensive Innovation in Education and Training, 2013 (in Vietnamese).
- [6] Government, Decree No. 56/2017/ND-CP Detailing a Number of Articles of the Law on Children, 2017 (in Vietnamese).
- [7] National Assembly, Law on Education, 2019 (in Vietnamese).
- [8] National Assembly, Law on Inland Waterway Traffic (Amended and Supplemented), 2017 (in Vietnamese).
- [9] Ministry of Education and Training, Report on the Review of the 2023–2024 Academic Year and Directions for the 2024–2025 Academic Year, Hanoi, 2024 (in Vietnamese).
- [10] Ministry of Labour, Invalids and Social Affairs, National Report on Children in Vietnam, Hanoi, 2024 (in Vietnamese).
- [11] Ministry of Transport, Circular on Inland Waterway Traffic Safety, Hanoi, 2021 (in Vietnamese).
- [12] National Assembly, Law on Inland Waterway Traffic (Amended and Supplemented), 2017 (in Vietnamese).
- [13] National Assembly, Law on Education, 2019 (in Vietnamese).
- [14] Committee for Ethnic Minority Affairs, Report on the Implementation Results of the National Target Program for Ethnic Minority and Mountainous Areas, Hanoi, 2023 (in Vietnamese).
- [15] Vietnam National Institute of Educational Sciences, Education in Ethnic Minority Areas in the Context of Educational Reform, Hanoi, 2022 (in Vietnamese).
- [16] U. Bronfenbrenner, The Ecology of Human Development, Harvard University Press, 1979.
- [17] J. L. Pressman, A. Wildavsky, Implementation. University of California Press, 1973.
- [18] UNESCO, Reimagining Our Futures Together: A New Social Contract for Education. Paris: UNESCO, 2021.
- [19] UNESCO, Global Education Monitoring Report 2023. Paris: UNESCO, 2023.
- [20] UNICEF, Every Child Learns: UNICEF Education Strategy 2019–2030. New York, 2019.
- [21] UNICEF, The State of the World's Children 2021, New York, 2021.
- [22] United Nations, Convention on the Rights of the Child. New York, 1989.
- [23] World Bank, Growing Smarter: Learning and Equitable Development in East Asia and Pacific. Washington, DC, 2018.